

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-11-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tạo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Loan;

Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 622/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 346/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965 (xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị P, sinh năm 1967 (xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 8 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1987 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi và tự nguyện sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, đời sống chung không đạt được hạnh phúc, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì nên ông Nguyễn Văn Đ xin được ly hôn với bà Phạm Thị P.

- Về con chung: Có 04 người con tên Nguyễn Như Y, sinh năm 1988 (nữ), Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (nữ), Nguyễn Bé N, sinh năm 1990 (nữ) và Nguyễn Linh V, sinh năm 1992 (nam), hiện tại các con đã lớn, trưởng thành và có gia đình riêng, cuộc sống kinh tế ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị P trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà P thống nhất với nội dung trình bày trên của ông Đ, về hôn nhân ông Đ trình bày là đúng. Bà P và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1987 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi và tự nguyện sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy, vợ chồng không thể tiếp tục duy trì nên bà P đồng ý ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Có 04 người con tên Nguyễn Như Y, sinh năm 1988 (nữ), Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (nữ), Nguyễn Bé N, sinh năm 1990 (nữ) và Nguyễn Linh V, sinh năm 1992 (nam), hiện tại các con đã lớn, trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và bị đơn bà Phạm Thị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

### **Về nội dung vụ án:**

[1] Về hôn nhân: Ông Đ và bà P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1987 nhưng đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Ông Đ xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi và tự nguyện sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Mặt khác, bà P cũng xác định vợ chồng không thể tiếp tục duy trì nên bà P đồng ý ly hôn với ông Đ.

Xét thấy, ông Đ từ năm 1987 đến nay có sống chung như vợ chồng với bà P mà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Do đó, ông Đ và bà P chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của ông Đ và bà P không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Ông Đ và bà P xác định có 04 người con tên Nguyễn Như Y, sinh năm 1988 (nữ), Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (nữ), Nguyễn Bé N, sinh năm 1990 (nữ) và Nguyễn Linh V, sinh năm 1992 (nam), hiện tại các con đã lớn, trưởng thành và có gia đình riêng, cuộc sống kinh tế ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về con chung.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên ông Đ phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị P.

2. Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, ông Đ phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, ông Đ có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004198 ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Tạo**